

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **381/2022/HSST**
Ngày 29/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
2. Ông Triệu Đức Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Chính, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 367/2022/HSST ngày 09/9/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2022/QĐXXST-HS ngày 15/9/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LVV**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 07 tháng 10 năm 1992, tại Thái Nguyên; Hộ khẩu thường trú: Xóm V, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Lê Văn S, sinh năm 1972 (đã chết); Con bà: Dương Thị L, sinh năm 1973 (đã chết); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2022). *(Có mặt tại phiên tòa);*

Người bị hại: 1. Chị DTT, sinh năm 1973

Trú quán: Xóm ĐL 2, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: 1. Anh TNT, sinh năm 1991. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Chị LTP, sinh năm 1999. *(Vắng mặt).*

Đều trú quán: Tổ 15, phường HVT, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. *(Chị Phụng là vợ anh T).*

3. Chị ĐTN, sinh 1986. Trú quán: Xóm Đ, xã DT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. *(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).*

4. Anh ĐMĐ, sinh năm 1995. *(Có mặt)*

Trú tại: Tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: LVV là đối tượng không có nghề nghiệp, sống lang thang trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 27/7/2022, V đi bộ một mình đến quán tắm quất người mù N tại tổ 17, phường HVT, thành phố Thái Nguyên của chị ĐTN (Sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã DT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên) để nhờ nghỉ trưa thì được chị N đồng ý. Khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, chị DTT (Sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Xóm ĐL 2, xã ĐM, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Bị khiếm thị, là nhân viên của quán) nhờ V lấy giúp chai rượu thuốc ở gầm giường nơi chị T đang chuẩn bị tắm quất cho khách (giường phía bên phải cạnh cửa ra vào quán, đầu giường hướng về phía giường V đang ngồi, cách nhau khoảng 01 mét). V đồng ý và đi đến gần giường tắm quất trên. V thấy chị T để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A53 trong giỏ nhựa màu vàng cạnh đầu giường. V thấy chị T bị khiếm thị, khách đang nằm ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại di động của chị T. V lén lút đến gần đầu giường, dùng tay phải cầm điện thoại nhanh chóng cất vào túi quần sau bên phải rồi đi ra khỏi quán. V đi bộ đến cửa hàng mua bán điện thoại TA, thuộc tổ 14, phường HVT, thành phố Thái Nguyên bán chiếc điện thoại di động trên cho chủ cửa hàng là anh TNT (Sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Tổ 15, phường HVT, thành phố Thái Nguyên) với giá 1.500.000 đồng. Số tiền trên V đã tiêu xài cá nhân hết.

Chị T phát hiện bị mất điện thoại nên đã báo tin cho chị ĐTN. Chị N kể cho anh ĐMĐ (Sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Tổ 09, phường T, thành phố Thái Nguyên) biết vụ việc và đặc điểm nhận dạng của V. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 31/7/2022, anh Đức gặp V đang đi lang thang tại khu vực phường TĐ, thành phố Thái Nguyên nên đưa V đến Công an phường HVT. Tại đây, V khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản ngày 27/7/2022 như nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 204/KL-HĐĐGTS ngày 01/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A53 (5G), dung lượng 128 GB, màu xanh, số IMEI 1: 350331800642436, số IMEI 2: 0131491003045, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường giá trị 7.432.000 đồng (BL: 13).

Tại Cơ quan điều tra, LVV đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai nhận của V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản làm việc, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án (BL: 62-72).

Vật chứng của vụ án: - 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A53 (5G), dung lượng 128 GB, màu xanh, số IMEI 1: 350331800642436, số IMEI 2: 0131491003045, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường. Hiện vật chứng trên đã thu hồi được và trả lại cho chủ sở hữu là chị DTT quản lý, sử dụng.

Phản dân sự: Anh TNT đề nghị V bồi thường 1.500.000 đồng. Vấn đề dân sự đến nay chưa giải quyết xong.

Bản cáo trạng số 383/CT-VKSNDTPTN ngày 09/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố LVV về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo LVV phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt LVV từ 09 đến 12 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Phản dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh T số tiền là **1.500.000** đồng. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Người liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] .Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.. không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] .Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, Kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27/7/2022, tại quán tắm quất người mù NT thuộc tổ 17, phường HVT, thành phố Thái Nguyên, LVV đã thực hiện hành vi trộm cắp của chị DTT 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A53 (5G), dung lượng 128 GB, màu xanh, số IMEI 1: 350331800642436, số IMEI 2: 0131491003045, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường giá trị 7.432.000 đồng. V bán chiếc điện thoại trên cho anh TNT với giá 1.500.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết. Hiện chiếc điện thoại trên đã thu hồi được và trả lại cho chị T tiếp tục quản lý, sử dụng. Anh TNT đề nghị V bồi thường 1.500.000 đồng.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị DTT bị cáo V đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A53 (5G) (có giá trị theo định giá là 7.432.000 đồng) của người khác được pháp luật bảo vệ mà cụ thể là của chị DTT nên hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

Nội dung điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người đủ năng lực hành vi dân sự, chưa có vi phạm pháp luật gì nhưng lười lao động, lợi dụng lòng tin của người khác dẫn đến việc trộm cắp tài sản của người khiếm thị.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1, Điều 52 BLHS

Từ những nội dung nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Cần phải xử phạt bị cáo mức án từ 15 đến 18 tháng tù để đảm bảo việc răn đe và phòng ngừa chung và cũng tương xứng với nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Vật chứng của vụ án: - 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A53 (5G), dung lượng 128 GB, màu xanh, số IMEI 1: 350331800642436, số IMEI 2: 0131491003045, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường. Hiện vật chứng trên đã thu hồi được và trả lại cho chủ sở hữu là chị DTT quản lý, sử dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người liên quan là anh T yêu cầu bị cáo V phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 1.500.000đ là giá trị chiếc điện thoại mà V đã bán cho anh T. Tại phiên Tòa bị cáo V nhất trí bồi thường số tiền 1.500.000đ cho anh T. Do đó cần buộc bị cáo V phải bồi thường cho anh T số tiền là **1.500.000** đồng.

Người bị hại là chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

[8] Về hình phạt bổ sung và án phí: - Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính lẽ ra Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai không có tài sản riêng và không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về các vấn đề khác: Đối với TNT là người đã mua của V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A53 nhưng do anh T không biết tài sản trên là do V trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo bản án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo **LVV** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: LVV 15 (*Mười lăm*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 357; 468; 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo LVV phải bồi thường cho anh TNT số tiền là **1.500.000** đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo LVV phải nộp **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ** (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch vào ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; người bị hại, NLQ...
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Chính

